

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Phan Thị Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2021/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đồng Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 12/5/2021 và bản tự khai ngày 28/5/2021 chị H trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Văn T thời gian năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 09 năm. Tuy nhiên trong quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2016 do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở gần 02 tháng thì được gia đình, thôn xóm hòa giải nên vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng đến tháng 11/2020 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng do chị nghi ngờ anh T sống không

chung thủy, chị và gia đình anh T chung sống không hòa hợp. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù đã được gia đình và thôn xóm khuyên bảo nhiều lần để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Quang D, sinh ngày 02/8/2007 và Nguyễn Thanh M, sinh ngày 09/3/2011, hiện đang do anh chị nuôi dưỡng. Chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của 02 cháu. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng vì chị làm trưởng phòng nhân sự của công ty, mỗi tháng thu nhập kinh tế 15 triệu đồng và có nơi ăn ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T trình bày tại bản tự khai ngày 25/5/2021: Thống nhất với chị H về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ giữa năm 2016 do phong cách sống không còn phù hợp, chị H tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở gần 02 tháng thì được anh và gia đình, thôn xóm hòa giải nên vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng đến cuối năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng do vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, chị H đối nhân xử thế với gia đình anh không đúng mực. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn, đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết một vé ly hôn cho chị H còn anh sẽ vắng mặt tại phiên tòa. Anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Có 02 con là Nguyễn Quang D, sinh ngày 02/8/2007 và Nguyễn Thanh M, sinh ngày 09/3/2011, hiện đang do anh chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu đến khi đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của 02 cháu. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng vì anh có công việc ổn định tại Ban chỉ huy quân sự huyện K, mỗi tháng thu nhập kinh tế khoảng 10 triệu đồng và có nơi ăn ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về tố tụng: Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng từ cuối năm 2020 đến nay. Dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xin ly hôn, anh T xin đoàn tụ. Xét yêu cầu của hai bên thấy rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng rất trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài; Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Đồng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

3. Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Quang D, sinh ngày 02/8/2007 và Nguyễn Thanh M, sinh ngày 09/3/2011, hiện đang do anh chị nuôi dưỡng. Nay cả 02 anh chị đều xin được nuôi dưỡng cháu D, cháu M đến khi đủ 18 tuổi trên cơ sở nguyện vọng của 02 cháu. Xét yêu cầu của đôi bên thấy rằng: Chị H có đủ điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng các cháu, phù hợp với nguyện vọng của cả 02 cháu là được ở với chị H, cần chấp nhận. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 02/8/2007 và Nguyễn Thanh M, sinh ngày 09/3/2011 cho chị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H tự nguyện kết hôn với anh T năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 09 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ giữa năm 2016 và trở nên trầm trọng từ cuối năm 2020 do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau sống không chung thủy, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, chị H sống chung cùng gia đình anh thu không hòa thuận. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn. Mặc dù đã được gia đình, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị H xin ly hôn; còn anh Thu xin đoàn tụ để vợ chồng nuôi dạy con chung, nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa. Qua điều tra xác minh theo yêu cầu của đương sự tại địa phương cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ cuối năm 2020 đến nay ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận; nên xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Quang D, sinh ngày 02/8/2007 và Nguyễn Thanh M, sinh ngày 09/3/2011, hiện đang do anh chị nuôi dưỡng. Nay cả 02 anh chị đều xin được nuôi dưỡng cháu D, cháu M đến khi đủ 18 tuổi trên cơ sở nguyện vọng của 02 cháu. Xét yêu cầu của đôi bên thấy rằng: Cháu D, cháu M đều có nguyện vọng được ở với chị H, chị H có đủ điều kiện đảm bảo về mọi mặt để nuôi dưỡng các cháu tốt. Do đó yêu cầu của chị H là có cơ sở được chấp nhận. Cần giao cháu D, cháu M cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên không xem xét giải quyết, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T.

[4] Về tài sản, công nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 02/8/2007 và Nguyễn Thanh M, sinh ngày 09/3/2011 cho chị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009126 ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền

Vụ H - Thu

Về tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án: Tôi đã giao nộp cho Tòa án 02 bản sao căn cước công dân, 01 bản sao sổ hộ khẩu gia đình, 01 bản sao trích lục kết hôn, 02 bản sao giấy khai sinh của con, 04 phiếu lương, bản tự khai, đơn con đề nghị, đơn yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ, đơn xin xác nhận.

Chủ tọa công bố tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Đơn đề nghị của cháu D, cháu Mai đều có nguyện vọng ở với chị H ngày 28/5/2021
- Đơn đề nghị thu thập tài liệu chứng cứ của chị H ngày 08/6/2021

- Biên bản xác minh tại UBND xã T và thôn H ngày về tình trạng hôn nhân và con chung của vợ chồng.
- Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ số ngày
- Biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày
- Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra chứng cứ số ngày

